TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2026
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đạt

2. Bà Trần Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị Kim L, sinh năm 2002 (đề nghị vắng mặt).

CCCD số 089302XXXXXX.

Nơi cư trú: tổ F, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0383.XXXXXX

2. Bị đơn: anh Trần Văn Tăn T, sinh năm 1998 (vắng mặt).

CCCD số 089098XXXXXX.

Nơi cư trú: tổ H, ấp P, xã P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0965.XXXXXX

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 16/11/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Bùi Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: chị L và anh T quen biết, tìm hiểu nhau được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2025, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh

An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 16/9/2025. Sau khi cưới, vợ chồng cùng chung sống với gia đình anh T thì phát sinh mâu thuẫn giữa chị với cha mẹ chồng, do khi chị mang thai nhưng cha mẹ chồng không đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị sinh con; không tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị L bỏ về nhà mẹ ruột chị sinh sống và sinh con. Sau đó, anh T nhiều lần xúc phạm cha mẹ chị, hai bên gia đình trở nên hiềm khích, không hàn gắn được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh T đã chính thức ly thân từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: chị L và anh T có 01 con chung tên Trần Minh Q, sinh ngày 02/10/2025 hiện do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị L và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Trần Minh Q, sinh ngày 02/10/2025 hiện do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 02 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2025 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2025 đến nay. Trong quá trình ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: anh, chị có 01 con chung tên Trần Minh Q, sinh ngày 02/10/2025 hiện do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Xét thấy, sau khi ly thân đến nay con chung do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và con chung hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao con chung cho chị Liên tiếp T1 trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con.

Chị L phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị L không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Kim L

1. Về hôn nhân: chị Bùi Thị Kim L được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Kim L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con tên Trần Minh Q, sinh ngày 02/10/2025 đến thành niên hoặc tự lập được. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Bùi Thị Kim L phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Trần Văn T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Bùi Thị Kim L phải chịu án phí là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011565 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự, tỉnh An Giang (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV12 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Phú Lâm, Tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền